

Số: 177 /QĐ-UBND

Hoàng Cát, ngày 13 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG CÁT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT- BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc công bố mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát về việc Ban hành Hệ thống tài liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Cát ;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Hoàng Cát phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên Ban chỉ đạo ISO UBND xã, phụ trách các lĩnh vực và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (t/h);
- Sở KH&CN (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT, BCD.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An

PHỤ LỤC

Các lĩnh vực hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Cát
được công bố lại phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
 (Kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND xã ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát)

TT	Tên lĩnh vực
	1. Lĩnh vực Đất đai
1.	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai
2.	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông
3.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở
	2. Lĩnh vực Văn hoá
4.	Thủ tục Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã
	3. Lĩnh vực Người có công
5.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.
6.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.
7.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
8.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh
9.	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp

10.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a
11.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” (Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên tử vong do vết thương tái phát)
12.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.
13.	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”
14.	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”
15.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh
16.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý
17.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
18.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
19.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an
20.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an.
21.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý
22.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ
23.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng
24.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
25.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
26.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày
27.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
28.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
29.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
30.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
31.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
32.	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.
33.	Thăm viếng mộ liệt sĩ.
34.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công

	4. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội
35.	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.
36.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
37.	Thủ tục quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
38.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.
39.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
40.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở
41.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng
42.	Thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trên địa bàn giai đoạn 2022-2025 (đối với các đối tượng mà thân nhân hoặc cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ từ nguồn kinh phí giao cho địa phương quản lý).
43.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện
44.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.
45.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
46.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
47.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm
48.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm
49.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm
50.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình
	5. Lĩnh vực Hộ tịch
51.	Đăng ký khai sinh
52.	Đăng ký kết hôn
53.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
54.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con
55.	Thủ tục đăng ký khai tử
56.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động
57.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động

58.	<i>Thủ tục đăng ký khai tử lưu động.</i>
59.	<i>Thủ tục đăng ký giám hộ</i>
60.	<i>Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ</i>
61.	<i>Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch</i>
62.	<i>Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân</i>
63.	<i>Thủ tục Đăng ký lại khai sinh</i>
64.	<i>Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</i>
65.	<i>Thủ tục Đăng ký lại kết hôn</i>
66.	<i>Thủ tục Đăng ký lại khai tử</i>
67.	<i>Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch</i>
68.	<i>Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi</i>
69.	<i>Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi</i>
70.	<i>Xác nhận thông tin hộ tịch</i>
	6. Lĩnh vực Chứng thực
71.	<i>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.</i>
72.	<i>Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)</i>
73.	<i>Cấp bản sao từ sổ gốc</i>
74.	<i>Chứng thực sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch</i>
75.	<i>Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch</i>
76.	<i>Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng gia dịch đã được chứng thực.</i>
77.	<i>Chứng thực di chúc</i>
78.	<i>Chứng thực văn bản từ chối di sản</i>
79.	<i>Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở</i>
80.	<i>Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.</i>
	7. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng
81.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị.</i>
82.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề.</i>
83.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất.</i>
84.	<i>Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình.</i>
85.	<i>Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến</i>
86.	<i>Công nhận "Tổ dân phố kiểu mẫu"</i>
87.	<i>Công nhận danh hiệu "gia đình kiểu mẫu"</i>
88.	<i>Công nhận danh hiệu "Công dân kiểu mẫu" thuộc phạm vi quản lý của</i>

	<i>UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa</i>
89.	<i>Công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giỏi cấp xã</i>
	8. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, xử lý đơn thư
90.	<i>Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã</i>
91.	<i>Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã</i>
92.	<i>Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã</i>
93.	<i>Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã</i>
	9. Lĩnh vực Chính sách
94.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế</i>
95.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ</i>
96.	<i>Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến Tâm thần quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP</i>
97.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)</i>
98.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc</i>
99.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc</i>
100.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên Quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 có dưới 15 năm công tác đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng)</i>
101.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức Quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã</i>

	<i>từ trần do Bộ Quốc phòng giải quyết)</i>
102.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức Nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>
103.	<i>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức Nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>
104.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)</i>
105.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã từ trần)</i>
106.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương</i>
107.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg</i>
108.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)</i>
109.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ</i>
110.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)</i>
111.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)</i>
112.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)</i>
113.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)</i>

114.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương</i>
115.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)</i>
116.	<i>Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước</i>
117.	<i>Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sỹ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh</i>
118.	<i>Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra</i>
	10. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai
119.	<i>Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu</i>
120.	<i>Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh</i>
121.	<i>Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai</i>
122.	<i>Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội</i>
123.	<i>Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội</i>
	11. Lĩnh vực Bảo hiểm nông nghiệp
124.	<i>Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp</i>
	12. Lĩnh vực Tín ngưỡng tôn giáo
125.	<i>Đăng ký hoạt động tín ngưỡng</i>
126.	<i>Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng</i>
127.	<i>Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung</i>
128.	<i>Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã</i>
129.	<i>Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã</i>
130.	<i>Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung</i>

131.	<i>Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã</i>
132.	<i>Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác</i>
133.	<i>Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung</i>
134.	<i>Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ quan tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc</i>
	13. Lĩnh vực Thư viện
135.	<i>Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng</i>
136.	<i>Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng</i>
137.	<i>Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng</i>
	14. Lĩnh vực Thể dục, thể thao
138.	<i>Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở</i>
	15. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo
139.	<i>Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học</i>
140.	<i>Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập</i>
141.	<i>Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại</i>
142.	<i>Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập</i>
143.	<i>Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập</i>
	16. Lĩnh vực Chính quyền
144.	<i>Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thôi đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới</i>
	17. Lĩnh vực Môi trường
145.	<i>Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường.</i>
	18. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác
146.	<i>Thông báo thành lập tổ hợp tác</i>
147.	<i>Thông báo thay đổi tổ hợp tác</i>
148.	<i>Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác</i>
	19. Lĩnh vực Trồng trọt
149.	<i>Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa</i>
	20. Lĩnh vực Thủy lợi
150.	<i>Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã</i>
151.	<i>Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã</i>
152.	<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)</i>
	21. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
153.	<i>Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương</i>
	22. Lĩnh vực Đường thủy nội địa
154.	<i>Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội</i>

	<i>địa bổ sung</i>
	23. Lĩnh vực Dân số kế hoạch hóa gia đình
155.	<i>Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số</i>
	24. Lĩnh vực Trẻ em
156.	<i>Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em</i>
157.	<i>Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em</i>
158.	<i>Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</i>
159.	<i>Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình người chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em</i>
160.	<i>Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em</i>
	25. Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội
161.	<i>Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình</i>
162.	<i>Hỗ trợ văn hóa, học nghề trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân</i>
163.	<i>Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện</i>
	26. Lĩnh vực Nuôi con nuôi
164.	<i>Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước</i>
165.	<i>Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước</i>
	27. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động QLNN
166.	<i>Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại</i>
	28. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật
167.	<i>Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật</i>
168.	<i>Thủ tục cho thôi tuyên truyền viên pháp luật</i>
169.	<i>Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải</i>
170.	<i>Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)</i>
171.	<i>Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên</i>
	29. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở
172.	<i>Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải</i>
173.	<i>Thủ tục thôi hòa giải viên</i>
174.	<i>Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên</i>
	30. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng
175.	<i>Kê khai tài sản, thu nhập.</i>
176.	<i>Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập.</i>
177.	<i>Tiếp nhận yêu cầu giải trình</i>
178.	<i>Thủ tục thực hiện việc giải trình.</i>

	31. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (Chính sách)
179.	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
180.	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
	32. Lĩnh vực Khoa học và công nghệ
183.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
	33. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT
184.	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
185.	Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền, xây dựng thương hiệu; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa cho các sản phẩm OCOP
186.	Hỗ trợ cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP
	3. Lĩnh vực Thuế
187.	K4ê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
	35. Lĩnh vực Nông nghiệp
188.	Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh
189.	Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả
190.	Hỗ trợ khi ngừng hoạt động hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
191.	Hỗ trợ kinh phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao
	36. Gia đình
192.	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân
193.	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị
	37. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
194.	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG CÁT

**Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Hoàng Cát
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh
vực hoạt động thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục
hành chính trên địa bàn xã.**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 177 /QĐ-UBND ngày
13/12/2024 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Cát)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hoàng Cát, ngày 13 tháng 12 năm 2024
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An